kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 01/11/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.221

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$ a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	$0,55$ $0,56$ $0,57$
Chuẩn chiều dài L_S: r_S	$42,95$ $42,95$ $42,97$
Chi tiết cần kiểm: r_X	$29,61$ $29,61$ $29,62$

Chuẩn chiều dài có $L_S = 40$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,01$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến $0,01$ mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[27,35; 27,4]$ mm. Báo cáo nào đúng?

A. $L_X \in [27,38; 27,44]$ mm — **không đạt** dung sai
B. $L_X \in [27,41; 27,42]$ mm — **không đạt** dung sai
C. $L_X \in [27,55; 27,6]$ mm — **không đạt** dung sai
D. $L_X \in [27,38; 27,44]$ mm — **đạt** dung sai

Câu 2. Một vật khối lượng 21 kg nằm yên trên mặt bàn nằm ngang, lấy $g = 10$ m/s^2. Phản lực của mặt bàn lên vật có độ lớn

A. 420 N **B.** 210 N **C.** 0 N **D.** 21 N

Câu 3. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối (0 s; 0 m) với (5 s; 80 m), đoạn thứ hai nối (5 s; 80 m) với (8 s; 80 m). Vận tốc trung bình của vật trong cả 8 s bằng

A. 16 m/s **B.** 8 m/s **C.** 10 m/s **D.** 80 m/s

Câu 4. Hai lực kế đặt vuông góc nhau chỉ 24 N và 32 N. Thay chúng bằng một lực kế đơn kéo vòng nhẫn về đúng vị trí cũ thì lực kế ấy chỉ 39,9 N. Chênh lệch giữa giá trị đo và hợp lực tính theo quy tắc hình bình hành bằng

A. 39,9 N **B.** 40 N **C.** 16,1 N **D.** 0,1 N

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 5. Một chiếc ô tô đi 20 m đầu trong 5 s rồi đi tiếp 48 m. Muốn tốc độ trung bình cả hành trình bằng 4 m/s thì chặng sau phải đi trong bao nhiêu giây?

.....

.....

.....

Câu 6. Một chiếc xe đồ chơi đi thẳng 55 m theo chiều dương rồi quay lại đi 76 m, tất cả hết 10 s. Tính tốc độ trung bình.

.....

.....

.....

Câu 7. Một vật đi qua vị trí 14 m lúc $t_1 = 9$ s và vị trí 9 m lúc $t_2 = 15$ s. Khoảng thời gian vật đi giữa hai vị trí ấy bằng bao nhiêu giây?

.....

.....

.....